

Số: 70 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 17 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7736/TTr-SNNMT-PTNT ngày 10/9/2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục,



M/

tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh quy định về tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Thay thế cụm từ “UBND cấp huyện” bằng cụm từ “UBND cấp xã” tại Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “UBND các huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “UBND các xã, phường” tại Điều 6.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 21/06/2024 của UBND tỉnh quy định mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Thay thế cụm từ “Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh hoặc Báo Nghệ An” bằng cụm từ “Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An” tại điểm a khoản 2 Điều 2.

2. Thay thế cụm từ “các huyện, thành, thị” bằng cụm từ “các xã, phường” tại điểm a khoản 2 Điều 2.

3. Thay thế cụm từ “Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo” và cụm từ “Sở Lao động, Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b khoản 2 Điều 2.

4. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 2 và điểm b, c, d khoản 2 Điều 3.

5. Thay thế cụm từ “Đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính” bằng cụm từ “Đại diện Sở Tài chính” tại điểm c khoản 2 Điều 2.

6. Bỏ từ “huyện” tại điểm a khoản 2 Điều 3.

7. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 2 như sau: “Thành phần Hội đồng thẩm định ở cấp xã gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên Hội đồng là cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.

8. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 2 như sau: “Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho cấp phó phụ trách chuyên môn quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp xã”.

9. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 2 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã (sau sáp nhập) thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (danh sách tại phụ lục I kèm theo), xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng giống cây trồng, vật nuôi, hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án”.

10. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 3 như sau: “Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Thành viên là: cán bộ đại diện Phòng Kinh tế hoặc cán bộ chuyên môn phụ trách kế hoạch tài chính, nông nghiệp môi trường (nơi không có Phòng Kinh tế) và Phòng chuyên môn khác có liên quan; Chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết)”.

11. Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 3 như sau: “Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho cấp phó phụ trách chuyên môn quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất”.

12. Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 3 như sau: “đ) Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các xã (sau sáp nhập) thuộc huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (danh sách tại Phụ lục kèm

theo), xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng những hàng hóa, dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.

13. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố, thị xã” bằng cụm từ “các xã, phường” tại Điều 6.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 9 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp: Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được UBND các huyện, thành phố, thị xã (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) phê duyệt hỗ trợ thì tiếp tục tổ chức thực hiện theo các Quyết định phê duyệt hỗ trợ đã ban hành cho đến khi kết thúc các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././. *M*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (để k/t);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

PHỤ LỤC**DANH SÁCH CÁC XÃ (SAU SÁP NHẬP) THUỘC HUYỆN NGHÈO
TRƯỚC THỜI ĐIỂM THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG 2 CẤP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Huyện nghèo trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp	Các xã trước sáp nhập	Các xã sau sáp nhập
Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén	Xã Mường Xén
	Tà Cạ	
	Tây Sơn	
	Hữu Lập	Xã Hữu Kiệm
	Hữu Kiệm	
	Bảo Nam	
	Phà Đánh	Xã Nậm Cắn
	Nậm Cắn	
	Bảo Thắng	Xã Chiêu Lưu
	Chiêu Lưu	
	Na Loi	Xã Na Loi
	Độc Mạ	
	Mường Típ	Xã Mường Típ
	Mường Ái	
	Na Ngoi	Xã Na Ngoi
	Nậm Cản	
	Mỹ Lý	Xã Mỹ Lý
	Bắc Lý	Xã Bắc Lý
	Keng Đu	Xã Keng Đu
	Huồi Tụ	Xã Huồi Tụ
Mường Lống	Xã Mường Lống	
Tương Dương	Tam Quang	Xã Tam Quang
	Tam Đình	
	Tam Thái	Xã Tam Thái
	Tam Hợp	
	Thị Trấn Thạch Giám	Xã Tương Dương
	Xá Lượng	
	Lưu Kiên	



1/1

	Lượng Minh	Xã Lượng Minh
	Yên Na	Xã Yên Na
	Yên Tĩnh	
	Yên Hoà	Xã Yên Hòa
	Yên Thắng	
	Nga My	Xã Nga My
	Xiêng My	
	Hữu Khuông	Xã Hữu Khuông
	Nhôn Mai	Xã Nhôn Mai
	Mai Sơn	
	Quế Phong	Mường Nọc
Châu Kim		
Nậm Giải		
Thị trấn Kim Sơn		
Hạnh Dịch		Xã Tiên Phong
Tiên Phong		
Tri Lễ		Xã Tri Lễ
Nậm Nhoóng		
Châu Thôn		Xã Mường Quảng
Cắm Muộn		
Quang Phong		
Thông Thụ		Xã Thông Thụ
Đông Văn		
Quý Châu		Thị trấn Tân Lạc
	Châu Hạnh	
	Châu Hội	
	Châu Nga	
	Châu Thuận	Xã Châu Tiến
	Châu Bính	
	Châu Tiến	
	Châu Thắng	Xã Hùng Chân
	Châu Phong	
	Châu Hoàn	
	Diên Lãm	
	Châu Bình	Xã Châu Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

M